

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 150/2021/HSPT

Ngày: 09 - 6 -2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Bình, ông Trần Duy Phương

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Công Bình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Cầu – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 127/2021/TLPT-HS, ngày 15 tháng 5 năm 2021, đối với bị cáo Lê Quang H về tội: “*Tham ô tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 85/2021/HS-ST, ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị cáo kháng cáo:**

Họ và tên: **Lê Quang H**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 11 tháng 12 năm 1958, tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: 19/6 đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: hưu trí; chức vụ: Không; trình độ học vấn: 10/10; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng); họ và tên cha: Lê Quang L, sinh năm 1920 (đã chết); họ và tên mẹ: Vũ Thị T, sinh năm 1920 (đã chết); bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Hồng H1, sinh năm 1961 (đã ly hôn năm 2005); bị cáo có 04 con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1998; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, từ ngày 18/3/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- Bị hại: Chi cục Thuế Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức H2 – sinh năm 1973, chức vụ: Phó chi cục trưởng Chi cục Thuế Tp. B.

Địa chỉ: 90 đường N, Phường T1, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị C – sinh năm 1975 địa chỉ: 33 đường G, p.T2, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

+ Ông Nguyễn Xuân T1 – sinh năm 1970; địa chỉ: 125 đường N, P.T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

+ Ông Lê Văn L1- sinh năm 1964; địa chỉ: 167 đường Y, p.T2, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

+ Bà Trần Thị X – sinh năm 1978; địa chỉ: 27/26 đường P, P.T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

+ Bà Trần Thị B; địa chỉ: TDP1, P.T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

+ Ông Lê Văn T2; địa chỉ: 09 đường L, P.T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

+ Bà Lại Thị T3; địa chỉ: 334 đường N, P.T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Y; địa chỉ: 26 đường T, P.T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Tấn T4; địa chỉ: TDP4, P.T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

+ Ông Lê T5; địa chỉ: 147/22 đường A, P.T3, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt).

+ Ông Đỗ Cao Phấn; địa chỉ:147/38 đường L, P.T3, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Quang H nguyên là cán bộ thuộc Chi cục Thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Năm 2007, H được điều động đến công tác tại Đội thuế số 1 thuộc Chi cục Thuế thành phố B và được phân công nhiệm vụ thu thuế của các Hộ kinh doanh (HKD) trên địa bàn phường T, thành phố B. Trong thời gian từ năm 2012 đến tháng 4 năm 2018, lợi dụng nhiệm vụ được giao và bằng thủ đoạn ghi nội dung không trùng khớp về tên người nộp thuế, mã số thuế và số tiền thu thuế trên các biên lai thu thuế, gồm: Biên lai báo soát là biên lai phải nộp về Chi cục thuế để so sánh, kiểm tra và đối chiếu ngay sau khi tiền thu thuế được nộp vào Ngân sách nhà nước (gọi là Liên 1), biên lai giao cho người nộp thuế (Liên 2) và biên lai lưu tại quyển hoá đơn là biên lai phải nộp về Chi cục thuế khi đã sử dụng hết các số biên lai trong quyển (Liên 3), cụ thể: Đối với các Liên 2, vì phải giao cho người nộp thuế, nên bị can H xé rời ra khỏi quyển biên lai và sử dụng giấy than kê lên bề mặt tờ Liên 2, rồi ghi nội dung đúng với số tiền người nộp thuế đã nộp, sau đó giao Liên này cho người nộp thuế giữ. Đối với Liên 1 và Liên 3, thì H để nguyên trong quyển Biên lai rồi kê giấy than giữa Liên 1 và Liên 3, ghi số tiền thuế thu thấp hơn so với Liên

2 của cùng một người nộp thuế, nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền chênh lệch để sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân. Ví dụ:

- Ngày 04/4/2016, H thu thuế Giá trị gia tăng của HKD Trần Thị B với số tiền là 5.400.000 đồng, nhưng không giao ngay biên lai thu thuế (Liên 2) cho người nộp. Đến ngày 05/4/2016, H nộp tiền thuế của HKD Trần Thị B vào Kho bạc nhà nước với số tiền là 2.700.000 đồng, rồi ghi trên biên lai giao cho người nộp thuế (Liên 2) đúng số tiền đã thu và ngày mà HKD Trần Thị B đã nộp thuế, rồi mới giao biên lai này cho HKD Trần Thị B, còn trên các Liên báo soát (Liên 1), Liên lưu quyền hoá đơn (Liên 3) thì H ghi số tiền thuế HKD Trần Thị B đã nộp là 2.700.000 đồng và ngày nộp thuế là ngày 05/4/2016. Như vậy, H đã chiếm đoạt số tiền 2.700.000 đồng là tiền HKD Trần Thị B đã nộp thuế vào Ngân sách nhà nước, còn HKD Trần Thị B nợ tiền thuế trong kỳ là 2.700.000 đồng.

- Ngày 27/3/2014, H thu thuế Giá trị gia tăng của HKD Nguyễn Tấn T4 với số tiền là 10.000.000 đồng, H ghi trên Liên 2 đúng với số tiền thuế HKD Nguyễn Tấn T4 đã nộp, nhưng chỉ nộp tiền thuế của HKD Nguyễn Tấn T4 vào Kho bạc nhà nước với số tiền 1.200.000 đồng và trên các Liên báo soát (Liên 1), Liên lưu quyền hoá đơn (Liên 3) thì H ghi số tiền thuế HKD Nguyễn Tấn T4 đã nộp là 1.200.000 đồng. Như vậy, H đã chiếm đoạt số tiền 8.800.000 đồng là tiền HKD Nguyễn Tấn T4 đã nộp thuế vào Ngân sách nhà nước, còn HKD Nguyễn Tấn T4 nợ tiền thuế trong kỳ là 8.800.000 đồng.

- Ngày 06/3/2018, H thu thuế Giá trị gia tăng của HKD Trần Thị X với số tiền là 4.209.400 đồng, H ghi trên Liên 2 đúng với số tiền thuế HKD Trần Thị X đã nộp, nhưng chỉ nộp tiền thuế của HKD Trần Thị X vào Kho bạc nhà nước số tiền 2.438.600 đồng và trên các Liên báo soát (Liên 1), Liên lưu quyền hoá đơn (Liên 3) thì H ghi số tiền thuế HKD Trần Thị X đã nộp là 2.438.600 đồng. Như vậy, H đã chiếm đoạt số tiền 1.770.800 đồng là tiền HKD Trần Thị X đã nộp thuế vào Ngân sách nhà nước, còn HKD Trần Thị X nợ tiền thuế trong kỳ là 1.770.800 đồng.

- Ngày 30/01/2015, H thu thuế Giá trị gia tăng của HKD Lại Thị T3 với số tiền là 150.000 đồng, nhưng không giao ngay biên lai thu thuế cho người nộp thuế. Đến ngày 02/02/2015, H nộp tiền thuế của HKD Lại Thị T3 vào Kho bạc nhà nước số tiền 100.000 đồng, rồi ghi trên biên lai giao cho người nộp thuế (Liên 2) đúng số tiền đã thu và ngày HKD Lại Thị T3 đã nộp thuế, rồi mới giao biên lai này cho HKD Lại Thị T3, còn trên các Liên báo soát (Liên 1), Liên lưu quyền hoá đơn (Liên 3) thì H chỉ ghi số tiền thuế HKD Lại Thị T3 đã nộp là 100.000 đồng và ngày nộp thuế là ngày 02/02/2015. Như vậy, H đã chiếm đoạt số tiền 50.000 đồng là tiền HKD Lại Thị T3 đã nộp thuế vào Ngân sách nhà nước, còn HKD Lại Thị T3 nợ tiền thuế trong kỳ là 50.000 đồng.

- Ngày 04/10/2017, H thu tiền nộp thuế Hoá đơn Giá trị gia tăng và thuế Thu nhập cá nhân của HKD Nguyễn Thị Y với tổng số tiền là 4.335.500 đồng, H ghi trên Liên 2 đúng với số tiền người nộp thuế đã nộp, nhưng chỉ nộp tiền thuế của HKD Nguyễn Thị Y vào Kho bạc nhà nước số tiền là 3.335.500 đồng và trên các Liên báo soát (Liên 1), Liên lưu quyền hoá đơn (Liên 3) thì H ghi số tiền thuế

HKD Nguyễn Thị Y đã nộp là 3.335.500 đồng. Như vậy, H đã chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng là tiền HKD Nguyễn Thị Y đã nộp thuế vào Ngân sách nhà nước, còn HKD Nguyễn Thị Y nợ tiền thuế trong kỳ là 1.000.000 đồng.

- Ngày 15/4/2015, H thu thuế Giá trị gia tăng của HKD Lê T5 với số tiền là 3.618.000 đồng, H ghi trên Liên 2 đúng với số tiền người nộp thuế đã nộp, nhưng chỉ nộp tiền thuế của HKD Lê T5 vào Kho bạc nhà nước số tiền là 1.200.000 đồng và trên các Liên báo soát (Liên 1), Liên lưu quyền hoá đơn (Liên 3) thì H ghi số tiền thuế HKD Lê T5 đã nộp là 1.200.000 đồng. Như vậy, H đã chiếm đoạt số tiền 2.418.000 đồng là tiền HKD Lê T5 đã nộp thuế vào Ngân sách nhà nước, còn HKD Lê T5 nợ tiền thuế trong kỳ là 2.418.000 đồng.

Ngoài ra, do biết Cơ quan thuế quy định chậm nhất là ngày cuối cùng của quý thì cá nhân nộp thuế khoán phải nộp tiền thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, nếu không sẽ bị cưỡng chế thuế, nên H đã sử dụng số tiền thu thuế của người này nộp cho người khác để tránh sự phát hiện của Lãnh đạo đơn vị và Cơ quan quản lý thuế, dẫn đến việc phải ghi không trùng khớp về tên người nộp thuế, mã số thuế trên các Liên 1, Liên 2 của cùng một số biên lai trong quyền thuế. Đến đầu năm 2018, H không báo cáo được hoạt động thu thuế của các HKD Nguyễn Tấn T4, địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường T, thành phố B, Trần Thị X, địa chỉ: 27/26 Đường P, phường T, thành phố B, Lại Thị T3, địa chỉ: 344 đường N, phường T, thành phố B, Trần Thị B, địa chỉ: 09 đường L, phường T, thành phố B, Nguyễn Thị Y, địa chỉ: 26 đường T, phường T4, thành phố B và HKD Lê T5, địa chỉ: 39 đường N, phường T, thành phố B, nên Chi cục Thuế thành phố B đã thông báo các HKD trên còn nợ tiền thuế. Lúc này, các HKD Nguyễn Thị Y, Trần Thị X và Lại Thị T3 đã khiếu nại đến Chi cục Thuế thành phố B, yêu cầu xử lý.

Quá trình điều tra Chi cục Thuế thành phố B và 06 Hộ kinh doanh trên đã giao nộp 528 tờ Biên lai thuế (bản gốc Liên 1) và 222 tờ Biên lai thuế (bản gốc Liên 2) cho Cơ quan điều tra. Ngày 04/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trên tổng số 750 tờ Biên lai thuế đã thu giữ. Tại bản Kết luận giám định số 176/PC09 ngày 10/6/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận:

- Chữ viết phần nội dung trong các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1-A322; từ A327- A329 và từ A333- A750 so với chữ viết đứng tên Lê Quang H trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là **do cùng một người viết ra.**

- Chữ ký tại các vị trí sau: Dưới mục “Người thu tiền”, dưới mục “Người thu thuế”, dưới mục “Thủ trưởng cơ quan thuế”, “Người viết biên lai” trong tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A750 (trừ các tài liệu A280, A284, A309, A316, A629 là không có chữ ký và các tài liệu ký hiệu A323, A324, A325, A326, A330, A331, A332) so với chữ ký đứng tên Lê Quang H trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là **do cùng một người ký ra.**

Ngày 07/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã trưng cầu Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk giám định: Thiệt hại thuế đối với hành vi của Lê Quang H – Cán bộ Đội thuế số 1 Chi cục Thuế thành phố B chiếm dụng thuế thu của 06 hộ kinh doanh nhưng không nộp vào Ngân sách Nhà nước từ năm

2012 đến năm 2018 xảy ra tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tại bản Kết luận giám định số 1505/CT- TTr, ngày 04/4/2019 của Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk, kết luận:

- Giá trị thiệt hại thuế do hành vi chiếm dụng tiền thuế của Lê Quang H thu của bà Trần Thị X là 8.774.351 đồng; số tiền phát sinh 5.452.653 đồng là khoản tiền xử lý vi phạm hành chính (bao gồm tiền chậm nộp và phạt khai sai) về thuế do Lê Quang H xâm tiêu tiền thuế.

- Giá trị thiệt hại thuế do hành vi chiếm dụng tiền thuế của Lê Quang H thu của bà Lại Thị T3 là 66.235.540 đồng; số tiền phát sinh 13.142.701 đồng là khoản tiền xử lý vi phạm hành chính (tiền chậm nộp) về thuế do Lê Quang H xâm tiêu tiền thuế.

- Giá trị thiệt hại thuế do hành vi chiếm dụng tiền thuế của Lê Quang H thu của bà Nguyễn Thị Y là 26.930.375 đồng; số tiền phát sinh 1.401.384 đồng là khoản tiền xử lý vi phạm hành chính (tiền chậm nộp) về thuế do Lê Quang H xâm tiêu tiền thuế.

- Giá trị thiệt hại thuế do hành vi chiếm dụng tiền thuế của Lê Quang H thu của ông Nguyễn Tấn T4 là 162.500.600 đồng; số tiền phát sinh 143.023.403 đồng là khoản tiền xử lý vi phạm hành chính (tiền chậm nộp) về thuế do Lê Quang H xâm tiêu tiền thuế.

- Giá trị thiệt hại thuế do hành vi chiếm dụng tiền thuế của Lê Quang H thu của ông Lê T5 là 62.038.992 đồng; số tiền phát sinh 17.654.837 đồng là khoản tiền xử lý vi phạm hành chính (tiền chậm nộp) về thuế do Lê Quang H xâm tiêu tiền thuế.

- Giá trị thiệt hại thuế do hành vi chiếm dụng tiền thuế của Lê Quang H thu của bà Trần Thị B là 10.089.085 đồng; số tiền phát sinh 9.760.972 đồng là khoản tiền xử lý vi phạm hành chính (tiền chậm nộp) về thuế do Lê Quang H xâm tiêu tiền thuế.

- + Tổng giá trị thiệt hại thuế do hành vi chiếm dụng tiền thuế là: 336.568.943 đồng (ba trăm ba mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi tám ngàn chín trăm bốn mươi ba đồng).

- + Tổng số tiền phát sinh 190.435.950 đồng (một trăm chín mươi triệu bốn trăm ba mươi lăm ngàn chín trăm năm mươi đồng), là khoản tiền xử lý vi phạm hành chính (bao gồm tiền chậm nộp và phạt khai sai) về thuế do Lê Quang H xâm tiêu tiền thuế.

Quá trình điều tra bị cáo Lê Quang H đã khắc phục (nộp) vào Ngân sách nhà nước tổng số tiền 527.004.893 đồng (năm trăm hai mươi bảy triệu không trăm lẻ bốn ngàn tám trăm chín mươi ba đồng). Trong đó 336.568.943 đồng, là tiền bị cáo Lê Quang H đã chiếm đoạt và 190.435.950 đồng là khoản tiền xử lý vi phạm hành chính về thuế do Lê Quang H xâm tiêu tiền thuế. Tại Công văn số 3356/CV- CCT ngày 14/9/2018 của Chi cục Thuế thành phố B, xác định: Các HKD Trần Thị X, Lại Thị T3, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Tấn T4, Lê T5 và HKD Trần Thị B “Hiện tại

trên chương trình quản lý thuế tập trung các hộ nêu trên không còn nợ đọng tiền thuế”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 85/2021/HS-ST, ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định: Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội. Tuyên bố: bị cáo Lê Quang H phạm tội “Tham ô tài sản”. Xử phạt bị cáo Lê Quang H 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/3/2021 bị cáo Lê Quang H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Quang H giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện cơ bản như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm đã nêu.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và khẳng định bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử bị cáo Lê Quang H về tội “*Tham ô tài sản*” theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Xét mức hình phạt 07 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới cung cấp cho Hội đồng xét xử.

Do vậy, đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật hình sự: Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Quang H và giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội. xử phạt bị cáo Lê Quang H 07 (bảy) năm tù về tội “Tham ô tài sản”.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của bị cáo Lê Quang H tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Lê Quang H nguyên là cán bộ thuộc Chi cục Thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk được phân công nhiệm vụ thu thuế và quản lý tiền nộp thuế của các Hộ kinh doanh trên địa bàn phường T,

thành phố B, để nộp vào ngân sách Nhà nước. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, vì tư lợi bất chính nên trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến tháng 4 năm 2018, bị cáo Lê Quang H đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền thuế thu nộp vào ngân sách Nhà nước của 06 Hộ kinh doanh trên địa bàn phường T, thành phố B, thì bị phát hiện xử lý. Xác định tổng số tiền bị cáo Lê Quang H đã chiếm đoạt là 336.568.943 đồng (*ba trăm ba mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi tám ngàn chín trăm bốn mươi ba đồng*). Do đó, bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Lê Quang H về tội: “Tham ô tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Quang H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của Nhà nước trong một khoảng thời gian dài và gây hậu quả rất nghiêm trọng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi tham ô tài sản của nhà nước là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến nhân thân, hoàn cảnh và áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên HĐXX phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Quang H về việc xin giảm hình phạt.

[3] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Lê Quang H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Quang H – Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 85/2021/HS-ST, ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

[2]. Điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo Lê Quang H 07 (Bảy) năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[3]. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30-12-2016; bị cáo Lê Quang H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- UBKT thành ủy B;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn